TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** TỈNH QUẢNG NGÃI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/HSST
Ngày: 16-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Vạn Huynh

Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn B Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành LuD – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh thuộc tổ dân phố Liên Hiệp II, phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 83/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Ngô Văn A, sinh ngày 16/8/1993 tại Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Ngô Thị L và 02 con, sinh năm 2014 và năm 2017, tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Bị hại:* Anh Võ Minh B, sinh năm 1986; trú tại: Thôn M, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Thợ sắt, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Dương Thị Hồng N, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm K, thôn M, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

2. Anh Ngô Văn C, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn M, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

3. Chị Ngô Thị Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn M, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Hồ Văn X; địa chỉ: Đường N, khu phố 2, phường T, quận F, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Phạm Hoàng D, sinh năm 1986; trú tại: Thôn M, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

2. Ông Võ Văn Th, sinh năm 1976;

3. Bà Phạm Thị E (42 tuổi);

4. Bà Võ Thị H, sinh năm 1964;

5. Chị Lê Thị G, sinh năm 1982;

Cùng trú tại: Thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 06/6/2017 Ngô Văn A đang ở nhà mình tại thôn C, xã T, thành phố Q thì thấy anh Võ Minh B chạy xe ngang qua có nhìn qua nhà A. Do bực tức vì trước đây A bị anh B đánh bầm mắt vì nợ tiền chưa trả nên A nảy sinh ý định chặn xe đánh lại anh B. Lúc này A chạy vào nhà mình lấy 01 cây ba trắc (loại 03 đoạn có thể rút dài và thu ngắn lại) và 01 cây sắt dài khoảng 80cm, có tay cầm dài khoảng 15cm, lưỡi sắc bén đến trước ngõ nhà bà S cách nhà A khoảng 500m. A ngồi đợi một lát thì thấy anh B chạy xe ngang qua, A chặn xe anh B lại, hỏi: "Sao bữa trước anh đánh em", B trả lời: "Ai biểu mày nói khích tao". A nói: "Nợ nần từ từ trả chứ sao anh đánh em" Lời qua tiếng lại A nhào vô thì bị anh B rút ra 01 cây tuýp sắt (khoảng hơn 01m) quơ ngang trúng vào vai trái A nhưng không gây thương tích gì. Tiếp đó A cầm cây ba trắc ném vào chân anh B nhưng không trúng, A liền cầm cây sắt có đặc điểm nêu trên bằng tay phải chém 01 nhát từ trên xuống dưới thì B giơ tay phải lên đỡ nên trúng vào đỉnh đầu và tay của anh B, lúc đó mất đà nên cả hai đều té xuống nền đường, A đè lên người anh B và có dùng tay đánh thêm 02 cái vào trán anh B, lúc này anh C (là anh ruột của A) và chị G (vợ anh C) chạy tới và lôi A ra khỏi người anh B và anh C có nói "A nó đánh mày chỗ nào thì mày đánh nó lại chỗ đó chứ tại sao lại dùng cây sắt để đánh nó". Nói xong anh C lôi anh B ra và dẫn vào nhà ông Th gần đó còn chị G lôi A về nhà. Một lúc sau công an xã T đến nhà và mời A về trụ sở làm việc.

Theo kết luận giám định số: 105/2017/GĐPY ngày 03/8/2017 của Phòng giám định pháp y tỉnh Quảng Ngãi kết luận thương tích của Võ Minh B như sau: "Đau đầu, nứt xương sọ đỉnh trái: 10%, 01 sẹo đỉnh đầu kích thước (8,5x0,1)cm, màu nâu: 01%; 01 sẹo mu bàn ngón IV bàn tay phải kích thước (3,5x 0,2) cm, sẹo vết thương gây đứt gân duỗi ngón IV bàn tay phải đã khâu: 03%", kết luận tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 14% (mười bốn phần trăm), tổn thương trên phù hợp vật sắc gây thương tích.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 06/3/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi truy tố bị cáo Ngô Văn A về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi giữ nguyên tội danh đã truy tố và và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1,

2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt Ngô Văn A từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

Về ý kiến của người bị hại: Yêu cầu làm rõ vụ án có đồng phạm khác tham gia là anh Ngô Văn C, hung khí bị cáo gây thương tích cho người bị hại là mã tấu không phải thanh sắt, bị cáo có hành vi giết người là không có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại theo quy định pháp luật. Về xử lý vật chứng đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên toà sơ thẩm bị cáo Ngô Văn A khai nhận: Do bực tức vì vài ngày trước A bị anh Võ Minh B đánh bầm mắt, khoảng 11 giờ ngày 06/6/2017 A đang ở nhà thì thấy anh B chạy xe ngang qua nên nảy sinh ý định chặn anh B hỏi chuyện tại sao trước đó lại đánh bị cáo, A vào nhà lấy 01 cây ba trắc và 01 thanh sắt (cây sắt) điều khiển xe mô tô đến trước ngõ nhà bà Sơ cách nhà A khoảng 500m để đợi anh B, mục đích nếu anh B đánh A thì A sẽ dùng hung khí đánh lại anh B. Sau khi thấy anh B chạy xe ngang qua, A chặn xe anh B, A và anh B có lời qua tiếng lại, B rút ra 01 cây tuýp sắt quơ ngang trúng vào vai trái A, A bước lại chỗ xe máy đang dựng cầm cây ba trắc ném vào chân anh B nhưng không trúng và cầm thanh sắt tay phải chém 01 nhát từ trên xuống dưới, B đưa tay lên đỡ nên trúng vào đỉnh đầu, đứt mu bàn tay phải, đứt gân duỗi ngón IV bàn tay phải của anh B, do mất đà nên cả hai đều té xuống nền đường, A đè lên người và dùng tay đánh thêm 02 cái vào trán anh B, lúc này anh C và chị G chạy tới can ngăn, anh C lôi B ra, còn chị G lôi A về nhà.

Bị cáo Ngô Văn A là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của Ngô Văn A dùng hung khí nguy hiểm chém anh B, hậu quả gây tổn thương cơ thể do thương tích gây ra cho anh B là 14% đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017) như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, sức khoẻ của công dân, xem thường sức khỏe, tính mạng của người khác, làm mất trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh, để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngày 06/6/2017, tội phạm quy định theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 nhưng

đối chiếu theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định mức hình phạt nhẹ hơn nên áp dụng điểm b Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và các điều khoản của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 về hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội để xét xử, xem xét cho bị cáo khi quyết định mức hình phạt.

Về ý kiến, yêu cầu của người bị hại cho rằng: Bị cáo A chém anh B như bị cáo trình bày là đúng nhưng A nói muốn giết B. Về hung khí A sử dụng chém B không phải thanh sắt như A khai mà là cây mã tấu (màu trắng, kim loại inox, dài 80 cm, một bên có cán màu đen, lưỡi sắc bén bằng inox, rộng 6,7cm có đầu nhọn việc này có anh Phạm Hoàng D là người chứng kiến. Khi xảy ra sự việc, Ngô Văn A và Ngô Văn C đều chặn xe của B, C có cầm 1 cây sắt (loại sắt xây dựng) đánh trúng vào chân trái của B thì B dỡ chân lên nên trúng vào chân phải của B, khi A chém vào đỉnh đầu B làm B choáng té ngã thì C nắm giữ 2 chân B còn A đè lên người B và dùng tay đánh vào mặt B nên C là đồng phạm cùng A trong vụ án.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đối chất lời khai giữa người làm chứng với người bị hại, bị cáo tại phiên tòa, quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hung khí bị cáo, bị hại, người làm chứng khai không thống nhất, vật chứng của vụ án sau khi gây thương tích cho bị hại, bị cáo A bỏ tại hiện trường, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được nhưng theo các lời khai trên thì hung khí đều là vật sắc, đồng thời căn cứ kết luận giám định vết thương của bị hại do vật sắc gây ra nên Hội đồng xét xử nhận định bị cáo dùng hung khí gây thương tích cho bị hại là phù hợp với cơ chế hình thành vết thương của bị hại.

Về ý kiến bị hại cho rằng anh Ngô Văn C là đồng phạm trong vụ án, thấy rằng: Theo người làm chứng anh Phạm Hoàng D khai: Khi D đi ngang qua sự việc đã xảy ra, D đứng cách 4-5m sau lưng B. Theo lời khai của A và C đều trình bày C không tham gia cùng A đánh gây thương tích cho B. Quá trình vụ án xảy ra C khai chỉ chạy lại can ngăn và lôi A ra để anh B bỏ chạy. Theo bệnh án và kết quả giám định thương tích trên người anh B không có vết thương ở chân phải, cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra nhưng không có cơ sở xác định anh C là đồng phạm trong vụ án. Ngoài lời khai của anh B và người làm chứng Phạm Hoàng D, anh B không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh C có tham gia cùng A đánh gây thương tích cho B. Do đó, yêu cầu của anh B cho rằng vụ án có đồng phạm khác là anh Ngô Văn C, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

Về ý kiến bị hại cho rằng bị cáo có ý giết người. Xét động cơ, mục đích, hành vi phạm tội của bị cáo không đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội giết người. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của người bị hại.

[3] Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự nguyện nộp số tiền 10.603.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bị hại, gia đình bị cáo có công cách mạng. Do đó, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:*

Theo đơn yêu cầu giải quyết phần dân sự ngày 11/12/2017 và tại phiên tòa bị hại B trình bày: Sau khi bị thương tích anh phải cấp cứu điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi phẫu thuật điều trị, ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần, bị mất thu nhập không làm nghề được, trong những ngày anh nhập viện điều trị vợ anh là chị Dương Thị Hồng N là chủ tiệm tóc với mức thu nhập bình quân 300.000 đồng/ngày, phải ở bệnh viện chăm sóc cho anh nên cũng bị mất thu nhập. Anh nhập viện là ngày 06/6/2017 đến ngày 12/6/2017 thì xuất viện, ngày 24/7/2017 vào điều trị tại Bệnh viện Ngoại thần kinh Quốc tế tại thành phố Hồ Chí Minh. Trước khi bị thương anh là chủ tiệm cửa sắt-nhôm-inox với mức thu nhập bình quân 500.000 đồng/ngày.

Anh B yêu cầu bị cáo Ngô Văn A phải bồi thường thiệt hại cho anh gồm các khoản: Chí phí điều trị là 2.733.000 đồng; tiền ăn của anh và vợ anh trong thời gian nằm viện 6 ngày là 1.200.000 đồng, tiền bồi dưỡng sức khỏe thời gian nằm viện là 200.000 đồng/ngày x 6 ngày = 1.200.000 đồng, chi phí đi thành phố Hồ Chí Minh khám bệnh lượt đi và về 2.470.000 đồng, tiền mất thu nhập của anh B (06 ngày nằm viện và 2,5 tháng nghỉ điều trị) là 81 ngày x 500.000đồng/ngày = 40.500.000 đồng; tiền mất thu nhập của vợ anh B (06 ngày ở bệnh viện chăm sóc anh) là 06 ngày x 300.000đồng/ngày = 1.800.000 đồng; tiền tổn hại sức khỏe, tinh thần là 30 tháng lương cơ bản: 30 tháng x 1.300.000 đồng = 39.000.000 đồng. Tổng cộng là: 88.903.000 đồng.

Theo chứng từ anh B nộp tại hồ sơ, các khoản chi có chứng từ gồm: Chi phí đi thành phố Hồ Chí Minh là 2.470.000 đồng, chi phí điều trị là 2.731.776 đồng tổng cộng là 5.201.776 đồng và hai giấy xác nhận nghề nghiệp và mức thu nhập có xác nhận của chính quyền địa phương, số tiền còn lại không có chứng từ. Đối với mức thu nhập, tại phiên tòa anh B khai, thu nhập bình quân 500.000 đồng/ngày là những tháng nắng, còn những tháng mưa thì công việc ít hơn nên thu nhập thấp hơn, do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức thu nhập bình quân của anh B là 300.000 đồng/ngày.

Theo quy định tại Điều 584, 586 và Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Căn cứ vào các chứng từ hợp lệ, thương tích và yêu cầu của người bị hại, Hội đồng xét xử chấp nhận các khoản tiền bồi thường hợp lý như sau: Chí phí điều trị là 2.733.000 đồng; tiền bồi dưỡng sức khỏe thời gian anh B nằm viện là 200.000 đồng/ngày x 6 ngày = 1.200.000 đồng, chi phí đi thành phố Hồ Chí Minh khám bệnh lượt đi và về 2.470.000 đồng, thu nhập thực tế bị mất của anh B (06 ngày nằm viện và 2,5 tháng sau khi xuất viện) là 81 ngày x 300.000đồng/ngày = 24.300.000 đồng; thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị là 06 ngày x 300.000đồng/ngày = 1.800.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là 15 tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường là 15 tháng x 1.390.000 đồng/tháng = 20.850.000 đồng. Tổng cộng là: 53.353.000 đồng.

Trong vụ án bị cáo Ngô Văn A là người có lỗi gây thương tích cho anh B, do

đó buộc bị cáo phải bồi thường cho anh B thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm, số tiền là 53.353.000 đồng theo qui định tại các điều 584, 586,590 của Bộ luật dân sự 2015. Bị cáo đã tự nguyện nộp trước 10.603.000 đồng nên còn phải bồi thường tiếp cho anh B số tiền 42.750.000 đồng. Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.603.000 đồng bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án.

[5]*Về xử lý vật chứng:*

Đối với 01 cây tiếp sắt B sử dụng để chống cự khi bị A đánh, 01 nón bảo hiểm đã bị bể, 01 mũ vải đã qua sử dụng. Đây là công cụ và tài sản của anh B nhưng không còn giá trị sử dụng và tại phiên tòa anh B không có yêu cầu được nhận lại nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với cây ba trắc và thanh sắt (cây sắt) một bên được mài sắc bén mà Ngô Văn A dùng để gây thương tích cho anh B, A bỏ lại hiện trường. Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Quảng Ngãi đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không truy thu được nên không xem xét.

Đối với xe mô tô kiểu dáng Dream biển số 54Z6-2123, bị cáo sử dụng làm phương tiện đi từ nhà bị cáo đến trước ngõ nhà bà S (nơi xảy ra sự việc đánh nhau), là của chị Ngô Thị Đ chị ruột của bị cáo. Chị Đ cho bị cáo mượn xe trên để sử dụng đi lại, việc bị cáo sử dụng xe đi đến nơi chặn đánh anh B thì chị Đ không biết nên cơ quan điều tra không thu giữ chiếc xe trên là phù hợp.

[6] *Về án phí:* Bị cáo Ngô Văn A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch đối với số tiền còn phải bồi thường cho bị hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Điều 584, Điều 586 và Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố: Bị cáo Ngô Văn A phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Ngô Văn A 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Ngô Văn A phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh Võ Minh B số tiền là 53.353.000 đồng (*Năm mươi ba triệu, ba trăm năm mươi ba ngàn đồng*), bị cáo đã nộp trước số tiền 10.603.000 đồng, được Công an thành phố Quảng Ngãi nộp vào tài khoản số 3949.0.9043031.00000 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 18 tháng 6 năm 2018. Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 42.750.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu,bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) để bồi thường

cho anh Võ Minh B. Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.603.000 đồng (*Mười triệu, sáu trăm lẻ ba ngàn đồng*) bị cáo đã nộp nêu trên để đảm bảo thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu và tiêu hủy: 01 cây tuýp sắt, 01 nón bảo hiểm, 01 mũ vải (đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 19/6/2018 giữa Công an thành phố Quảng Ngãi và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Ngô Văn A phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.137.500 đồng (*Hai triệu, một trăm ba mươi bảy ngàn, năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Án sơ thẩm xét xử công khai. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT CATP Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS CATP Quảng Ngãi;
- Công an thành phố Quảng Ngãi;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ; lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Mai Hạnh